

Số: 8571/KH-UBND

Quảng Nam, ngày 05 tháng 11 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Tình giảm biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đến năm 2026 trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập khối chính quyền tỉnh Quảng Nam (cấp tỉnh, cấp huyện)

Căn cứ Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 218-KH/TU ngày 18/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tinh giản biên chế và sử dụng biên chế giai đoạn 2022-2026; Quy định số 953-QĐ/TU ngày 22/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý biên chế của hệ thống chính trị tỉnh;

Thực hiện Thông báo số 1145-TB/BCSD ngày 04/11/2024 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh kết luận tại phiên họp ngày 30/10/2024;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tinh giản biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đến năm 2026 trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập khối chính quyền tỉnh Quảng Nam (cấp tỉnh, cấp huyện), cụ thể như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

- Triển khai thực hiện đồng bộ, nghiêm túc, có hiệu quả lộ trình kế hoạch tinh giản biên chế của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phù hợp với Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; các Kết luận, Quy định, Quyết định của Bộ Chính trị, Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Thống nhất về nhận thức của hệ thống chính trị nhằm thực hiện đảm bảo lộ trình tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2015 của Ban Chấp hành Trung ương; Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022, Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị và các Kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Tiếp tục phấn đấu thực hiện đồng bộ, có hiệu quả mục tiêu tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

## **2. Yêu cầu**

- Bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị trong việc thực hiện quản lý, sử dụng biên chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả, đúng quy định.

- Việc quản lý, sử dụng biên chế phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tinh giản biên chế gắn với rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng biên chế được giao; đảm bảo tinh giản biên chế theo đúng lộ trình và tỷ lệ quy định, quản lý và sử dụng có hiệu quả biên chế được giao.

## **II. LỘ TRÌNH TINH GIẢN BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN NĂM 2026 TRONG CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP KHỐI CHÍNH QUYỀN TỈNH QUẢNG NAM (CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN)**

### **1. Mục tiêu**

Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 218-KH/TU ngày 18/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đảm bảo đến năm 2026 biên chế khối chính quyền địa phương thực hiện giảm ít nhất 10% biên chế sự nghiệp (*số lượng người làm việc*) hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập và 05% biên chế công chức tại các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước so với biên chế được giao năm 2021.

### **2. Lộ trình tinh giản biên chế đến năm 2026**

#### **a) Biên chế công chức**

- Mốc tinh giản biên chế năm 2021 là: 3.156 biên chế; số biên chế Trung ương giao cho tỉnh đến năm 2026 (khối chính quyền) là 2.998 biên chế, giảm 158 biên chế (tương đương giảm 5%) so với năm 2021.

- Lộ trình tinh giản biên chế đến năm 2026:

+ Giai đoạn 2023-2024: UBND tỉnh đã giao biên chế cho các Sở, ngành, địa phương theo Kế hoạch số 218-KH/TU ngày 18/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và đã giảm 30 biên chế theo lộ trình (năm 2023 giảm 15; năm 2024 giảm 15).

+ Năm 2025: giao 3.096 biên chế, giảm 30 biên chế so với năm 2024;

+ Năm 2026: giao 2.998 biên chế, giảm 98 biên chế so với năm 2025.

*(Có Phụ lục I kèm theo)*

b) Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước (biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước)

- Giai đoạn 2022 - 2026, tỉnh Quảng Nam phải giảm 2.989 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, từ 29.892 biên chế (năm 2022) xuống còn 26.903 biên chế (năm 2026).

- Lộ trình tinh giản biên chế đến năm 2026:

+ Giai đoạn 2023-2024: UBND tỉnh đã giao biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các Sở, ngành, địa phương theo Kế hoạch số 218-KH/TU ngày 18/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và đã giảm 2.194 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

+ Năm 2025: giao 27.661 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, giảm 37 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2024;

+ Năm 2026: giao 26.903 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, giảm 758 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

*(Có Phụ lục II kèm theo)*

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

#### **1. Nhiệm vụ, giải pháp chung**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của Chính phủ, của tỉnh về tinh giản biên chế; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của cả hệ thống chính trị trong quyết tâm thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đồng thời, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cấp, từng ngành; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu trong việc thực hiện tinh giản biên chế.

- Tiếp tục đổi mới, sắp xếp bộ máy hệ thống chính trị bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; rà soát, kiện toàn cơ cấu bộ máy cơ quan, tổ chức hành chính đáp ứng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, có cơ cấu hợp lý, đảm bảo tiêu chí thành lập tổ chức, đáp ứng yêu cầu về nhân lực và quy định của pháp luật.

- Hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập làm cơ sở xác định biên chế của các cơ quan, đơn vị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn; rà soát, bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm gắn với đánh giá, xếp loại công chức, viên chức.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế, kiên quyết thực hiện tinh giản cán bộ, công chức, viên chức không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của vị trí việc làm, không hoàn thành nhiệm vụ, không đạt tiêu chuẩn về trình độ, năng lực quy định, không đảm bảo sức khỏe và những người dôi dư do sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự.

- Thực hiện tinh giản biên chế gắn với đẩy mạnh phân cấp ủy quyền trong quản lý nhà nước.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch này.

## **2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể**

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở rà soát, đánh giá chức năng, nhiệm vụ, khối lượng, hiệu quả công việc và tình hình thực tiễn thực hiện nhiệm vụ được giao theo vị trí việc làm để xem xét và kiên quyết tinh giản đối với cán bộ, công chức, viên chức không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, thiếu trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ (cụ thể hóa vào kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2025-2026 của cơ quan, đơn vị, địa phương).

- Trên cơ sở các nhiệm vụ đã được phân cấp, phân quyền, ủy quyền; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, đánh giá cụ thể về khối lượng công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao để thực hiện cắt giảm biên chế tại các vị trí việc làm đã được phân cấp, ủy quyền (cắt giảm đối với số lượng biên chế công chức, viên chức nghỉ hưu, thôi việc... theo quy định).

- Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch số 6581/KH-UBND<sup>1</sup> ngày 27/9/2023 và Kế hoạch số 4374/KH-UBND<sup>2</sup> ngày 14/6/2024 của UBND tỉnh; trong đó, tập trung đẩy mạnh tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập nhằm giảm biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (*chuyển biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước sang biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp*), đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa trong việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nhất là đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Tổ chức quán triệt nội dung Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện nghiêm túc các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp được xác định tại Kế hoạch này và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Thực hiện nghiêm túc lộ trình tinh giản biên chế theo Kế hoạch; kết quả thực hiện tinh

<sup>1</sup> Kế hoạch số 6581/KH-UBND ngày 27/9/2023 triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

<sup>2</sup> Kế hoạch số 4374/KH-UBND ngày 14/6/2024 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

giản biên chế là một trong những căn cứ để đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tiếp tục chủ động việc rà soát, đề xuất cấp thẩm quyền sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ chế tự chủ của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Sử dụng có hiệu quả biên chế được giao; thực hiện bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo đúng quy định.

## **2. Sở Nội vụ**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch, kịp thời báo cáo cơ quan cấp trên khi có yêu cầu.

- Tham mưu UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền giao biên chế hàng năm theo quy định hiện hành; gắn việc xây dựng Kế hoạch biên chế hàng năm với rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị, địa phương, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo đúng quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp, đề xuất) để xem xét, giải quyết./.

### ***Nơi nhận:***

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- BCSD UBND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Sở, Ban, ngành;
- Các ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, HCTC, NCKS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Dũng**

**Phụ lục I**

**LỘ TRÌNH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH  
KHỐI CHÍNH QUYỀN TỈNH (CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN) ĐẾN NĂM 2026**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Giao năm 2024	Kế hoạch sử dụng biên chế công chức giai đoạn 2025-2026				Tổng biên chế giảm (-) giai đoạn 2025-2026	Ghi chú
			Năm 2025		Năm 2026			
			Giao năm 2025	Giảm (-) so với năm 2024	Giao năm 2026	Giảm (-) so với năm 2025		
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3,126</b>	<b>3,096</b>	<b>-30</b>	<b>2,998</b>	<b>-98</b>	<b>-128</b>	
<b>A</b>	<b>CẤP TỈNH</b>	<b>1,396</b>	<b>1,393</b>	<b>-3</b>	<b>1,362</b>	<b>-31</b>	<b>-34</b>	
<b>I</b>	<b>Lãnh đạo tỉnh</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<i>1</i>	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và các Ban thuộc HĐND tỉnh	<b>10</b>	<b>10</b>		<b>10</b>		<b>0</b>	
<i>2</i>	Thường trực UBND tỉnh	<b>5</b>	<b>5</b>		<b>5</b>		<b>0</b>	
<b>II</b>	<b>Các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh</b>	<b>1,302</b>	<b>1,300</b>	<b>-2</b>	<b>1,271</b>	<b>-29</b>	<b>-31</b>	
<i>1</i>	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	<b>59</b>	<b>59</b>		<b>57</b>	<b>-2</b>	<b>-2</b>	
<i>2</i>	Sở Nội vụ	<b>69</b>	<b>69</b>		<b>66</b>	<b>-3</b>	<b>-3</b>	
<i>3</i>	Ban Dân tộc	<b>20</b>	<b>20</b>		<b>20</b>		<b>0</b>	
<i>4</i>	Thanh tra tỉnh	<b>37</b>	<b>37</b>		<b>37</b>		<b>0</b>	
<i>5</i>	Sở Tư pháp	<b>31</b>	<b>31</b>		<b>31</b>		<b>0</b>	
<i>6</i>	Sở Kế hoạch và Đầu tư	<b>54</b>	<b>54</b>		<b>52</b>	<b>-2</b>	<b>-2</b>	
<i>7</i>	Sở Tài chính	<b>63</b>	<b>63</b>		<b>60</b>	<b>-3</b>	<b>-3</b>	
<i>8</i>	Sở Giao thông vận tải	<b>56</b>	<b>56</b>		<b>54</b>	<b>-2</b>	<b>-2</b>	
<i>9</i>	Sở Công Thương	<b>52</b>	<b>51</b>	<b>-1</b>	<b>50</b>	<b>-1</b>	<b>-2</b>	
<i>10</i>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<b>440</b>	<b>439</b>	<b>-1</b>	<b>434</b>	<b>-5</b>	<b>-6</b>	
<i>11</i>	Sở Xây dựng	<b>37</b>	<b>37</b>		<b>37</b>		<b>0</b>	
<i>12</i>	Sở Tài nguyên và Môi trường	<b>69</b>	<b>69</b>		<b>68</b>	<b>-1</b>	<b>-1</b>	
<i>13</i>	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	<b>67</b>	<b>67</b>		<b>64</b>	<b>-3</b>	<b>-3</b>	
<i>14</i>	Sở Thông tin và Truyền thông	<b>26</b>	<b>26</b>		<b>26</b>		<b>0</b>	
<i>15</i>	Sở Ngoại vụ	<b>17</b>	<b>17</b>		<b>17</b>		<b>0</b>	
<i>16</i>	Sở Khoa học và Công nghệ	<b>33</b>	<b>33</b>		<b>33</b>		<b>0</b>	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Giao năm 2024	Kế hoạch sử dụng biên chế công chức giai đoạn 2025-2026				Tổng biên chế giảm (-) giai đoạn 2025-2026	Ghi chú
			Năm 2025		Năm 2026			
			Giao năm 2025	Giảm (-) so với năm 2024	Giao năm 2026	Giảm (-) so với năm 2025		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
17	Sở Y tế	60	60		57	-3	-3	
18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	63	63		61	-2	-2	
19	Sở Giáo dục và Đào tạo	49	49		47	-2	-2	
<b>III</b>	<b>Các tổ chức khác có sử dụng biên chế công chức</b>	<b>79</b>	<b>78</b>	<b>-1</b>	<b>76</b>	<b>-2</b>	<b>-3</b>	
20	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	31	31		30	-1	-1	
21	BQL các Khu kinh tế và khu công nghiệp tỉnh	45	44	-1	43	-1	-2	
22	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	3	3		3	0	0	
<b>B</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>	<b>1,724</b>	<b>1,703</b>	<b>-21</b>	<b>1,634</b>	<b>-69</b>	<b>-90</b>	
1	Tam Kỳ	113	113		108	-5	-5	
2	Hội An	112	112		107	-5	-5	
3	Điện Bàn	114	114		109	-5	-5	
4	Thăng Bình	105	105		101	-4	-4	
5	Núi Thành	107	107		103	-4	-4	
6	Đại Lộc	100	100		96	-4	-4	
7	Duy Xuyên	100	98	-2	95	-3	-5	
8	Quế Sơn	91	146	-17	142	-4	-21	
9	Nông Sơn	72						
10	Phú Ninh	90	88	-2	85	-3	-5	
11	Tiên Phước	91	91		87	-4	-4	
12	Hiệp Đức	89	89		85	-4	-4	
13	Bắc Trà My	90	90		86	-4	-4	
14	Nam Trà My	90	90		86	-4	-4	
15	Phước Sơn	90	90		86	-4	-4	
16	Nam Giang	90	90		86	-4	-4	
17	Đông Giang	90	90		86	-4	-4	
18	Tây Giang	90	90		86	-4	-4	
<b>C</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>6</b>		<b>-6</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>-4</b>	

**Phụ lục II**

**LỘ TRÌNH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP ĐẾN NĂM 2026**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số biên chế viên chức hưởng lương NSNN giao 2024	Kế hoạch sử dụng biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giai đoạn 2025-2026					Ghi chú
			Năm 2025		Năm 2026		Tổng biên chế giảm (-) giai đoạn 2025-2026	
			Giao năm 2025	Giảm (-) so với năm 2024	Giao năm 2026	Giảm (-) so với năm 2025		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>I</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp công lập; Hội quản chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh</b>	<b>6,516</b>	<b>6,489</b>	<b>-27</b>	<b>6,332</b>	<b>-157</b>	<b>-184</b>	
<b>1</b>	<b>Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh</b>	<b>6,257</b>	<b>6,195</b>	<b>-62</b>	<b>6,038</b>	<b>-157</b>	<b>-219</b>	
1.1	Văn phòng UBND tỉnh	12	12		12			
1.2	Sở Nội vụ	13	13		13			
1.3	Sở Tư pháp	35	31	-4	31		-4	
1.4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	19	18	-1	17	-1	-2	
1.5	Sở Giao thông vận tải	6	6		6			
1.6	Sở Công Thương	17	17		17			
1.7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	90	90		90			
1.8	Sở Tài nguyên và Môi trường	21	19	-2	19		-2	
1.9	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	170	170		170			
1.10	Sở Khoa học và Công nghệ	13	13		13			
1.11	Sở Y tế	2,532	2,523	-9	2,523		-9	
1.12	Sở Giáo dục và Đào tạo	3,200	3,200		3,112	-88	-88	Sự nghiệp GD&ĐT: 88
1.13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	129	83	-46	15	-68	-114	
<b>2</b>	<b>Đơn vị trực thuộc tỉnh</b>	<b>204</b>	<b>204</b>		<b>204</b>			
2.1	Ban Quản lý các Khu kinh tế và khu công nghiệp tỉnh	15	15		15			
2.2	Ban Quản lý Vườn quốc gia Sông Thanh	28	28		28			
2.3	Đài Phát thanh - Truyền hình	84	84		84			
2.4	Trường Cao đẳng Y tế	62	62		62			
2.5	Tinh đoàn Quảng Nam (đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh đoàn)	15	15		15			
<b>3</b>	<b>Hội cấp tỉnh</b>	<b>55</b>	<b>90</b>	<b>35</b>	<b>90</b>		<b>35</b>	
3.1	Liên hiệp các hội Khoa học - Kỹ thuật	5	7	2	7		2	
3.2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	4	6	2	6		2	
3.3	Hội Văn học - Nghệ thuật	7	7		7			
3.4	Hội Nhà báo	1	4	3	4		3	
3.5	Hội Luật gia	4	4		4			
3.6	Liên minh Hợp tác xã	14	14		14			
3.7	Hội Khuyến học	2	4	2	4		2	
3.8	Hội Người mù	4	4		4			
3.9	Hội Chữ thập đỏ	10	12	2	12		2	
3.10	Hội Đông y	4	4		4			
3.11	Hội Cựu thanh niên xung phong		4	4	4		4	
3.12	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi		4	4	4		4	



TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao 2024	Kế hoạch sử dụng biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giai đoạn 2025-2026				Tổng biên chế giảm (-) giai đoạn 2025-2026	Ghi chú
			Năm 2025		Năm 2026			
			Giao năm 2025	Giảm (-) so với năm 2024	Giao năm 2026	Giảm (-) so với năm 2025		
3.13	Hội Nạn nhân chất độc da cam/đioxin		4	4	4		4	
3.14	Hội Bảo trợ Người tàn tật - Quyền trẻ em và Bệnh nhân nghèo		4	4	4		4	
3.15	Hội Từ thiện		4	4	4		4	
3.16	Hội Từ yêu nước		4	4	4		4	
<b>II</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp công lập; Hội quản chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp huyện</b>	<b>21,168</b>	<b>21,144</b>	<b>-24</b>	<b>20,571</b>	<b>-573</b>	<b>-597</b>	
1	Tam Kỳ	1,383	1,381	-2	1,344	-37	-39	Sự nghiệp GD&ĐT: 37
2	Hội An	1,103	1,103		1,073	-30	-30	Sự nghiệp GD&ĐT: 30
3	Điện Bàn	2,470	2,470		2,402	-68	-68	Sự nghiệp GD&ĐT: 67
4	Thăng Bình	2,197	2,195	-2	2,134	-61	-63	Sự nghiệp GD&ĐT: 59
5	Núi Thành	1,784	1,784		1,736	-48	-48	Sự nghiệp GD&ĐT: 48
6	Đại Lộc	1,867	1,862	-5	1,812	-50	-55	Sự nghiệp GD&ĐT: 50
7	Duy Xuyên	1,541	1,541		1,500	-41	-41	Sự nghiệp GD&ĐT: 41
8	Quế Sơn	1,093	1,532	-12	1,492	-40	-52	Sự nghiệp GD&ĐT: 40
9	Nông Sơn	451						
10	Phú Ninh	957	957		932	-25	-25	Sự nghiệp GD&ĐT: 25
11	Tiên Phước	1,114	1,114		1,084	-30	-30	Sự nghiệp GD&ĐT: 30
12	Hiệp Đức	711	711		692	-19	-19	Sự nghiệp GD&ĐT: 19
13	Bắc Trà My	1,046	1,045	-1	1,013	-32	-33	Sự nghiệp GD&ĐT: 27
14	Nam Trà My	859	859		835	-24	-24	Sự nghiệp GD&ĐT: 22
15	Phước Sơn	660	658	-2	641	-17	-19	Sự nghiệp GD&ĐT: 17
16	Nam Giang	708	708		690	-18	-18	Sự nghiệp GD&ĐT: 18
17	Đông Giang	643	643		625	-18	-18	Sự nghiệp GD&ĐT: 17
18	Tây Giang	581	581		566	-15	-15	Sự nghiệp GD&ĐT: 15
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>14</b>	<b>28</b>	<b>14</b>		<b>-28</b>	<b>-14</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>27,698</b>	<b>27,661</b>	<b>-37</b>	<b>26,903</b>	<b>-758</b>	<b>-795</b>	

**Ghi chú:**

- 1 Phụ lục này chưa bao gồm số liệu biên chế giáo dục - đào tạo được Trung ương giao bổ sung năm học 2022 - 2023 là 142 biên chế, năm học 2023 - 2024 là 151 biên chế.

Dự kiến năm 2026 sẽ thực hiện tinh giản 650 biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo hưởng lương từ NSNN của 18 huyện, thị xã, thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo với phương thức: *tổng biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo vẫn đảm bảo theo định mức, nhưng thực hiện giảm số biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN và tăng biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp theo nguyên tắc chỉ đạo tại Nghị quyết số 75/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội và Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ: “đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, xác định rõ số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tương ứng với mức độ tự chủ tài chính của đơn vị”*. Trước mắt, tại lộ trình tinh giản biên chế, UBND tỉnh dự kiến 18 huyện, thị xã, thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo: mỗi đơn vị, địa phương sẽ thực hiện tinh giản với tỷ lệ 2,76% ( $=650/23.564*100\%$ ) biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo đã giao. Tùy vào tình hình cụ thể sau khi thực hiện tự chủ tài chính một phần đối với giáo dục năm 2025, UBND tỉnh sẽ điều chỉnh tăng/giảm số biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo tại từng đơn vị, địa phương năm 2026 đảm bảo phù hợp

- 2